|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BLĐTBXH  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

 DỰ THẢO

**THÔNG TƯ**

**Quy định một số nội dung thực hiện các hoạt động thuộc**

**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

*Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP* *ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg* *ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định một số nội dung thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số nội dung thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

1. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại Điều 21 và Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) và điểm b khoản 2 Mục III Chương trình.

2. Hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Tiểu dự án 2 Dự án 4) theo quy định tại điểm b khoản 4 Mục III Chương trình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi cả nước; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ, nhóm hợp tác, hộ gia đình.

3. Tổ chức và cá nhân liên quan.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TẠI CƠ QUAN,**

**ĐƠN VỊ VÀ CẤP TRỰC THUỘC BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH**

**VÀ XÃ HỘI THỰC HIỆN**

**Điều 3. Nguyên tắc lựa chọn dự án**

1. Dự án, mô hình, phương án sản xuất (sau đây gọi tắt là dự án) được thực hiện trên địa bàn cả nước.

2. Bảo đảm điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

3. Lựa chọn đơn vị chủ trì, triển khai thực hiện dự án có năng lực, đã triển khai thực hiện dự án thành công.

4. Các dự án ưu tiên lựa chọn gồm: dự án thực hiện trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; dự án khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện; dự án có tỷ lệ hộ nghèo, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật, phụ nữ tham gia cao hơn; hiệu quả kinh tế, xã hội cao hơn; đơn vị chủ trì, triển khai thực hiện dự án có năng lực hơn, kinh nghiệm nhiều hơn.

**Điều 4. Mức hỗ trợ tối đa một (01) dự án, bình quân một (01) hộ tham gia từ ngân sách nhà nước**

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án liên kết theo chuỗi giá trị tối đa không quá 05 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ thực hiện 01 dự án theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/20252/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ bình quân một (01) hộ tham gia dự án tối đa không quá 40 triệu đồng.

**Điều 5. Nội dung hỗ trợ đối tượng tham gia dự án từ vốn ngân sách nhà nước**

1. Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, nhân rộng các dự án.

2. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về: đào tạo kiến thức lý thuyết, tập huấn kỹ thuật sản xuất; chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi; kiến thức về tiếp cận thị trường, quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

3. Hỗ trợ hộ không là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về: đào tạo kiến thức lý thuyết, tập huấn kỹ thuật sản xuất; chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; cung ứng dịch vụ; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

4. Hỗ trợ các tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác về: đào tạo kiến thức lý thuyết, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; kiến thức về tiếp cận thị trường; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

5. Ưu tiên thực hiện các nội dung hỗ trợ đối tượng tham gia dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**Điều 6. Thông báo lựa chọn đơn vị và đăng ký thực hiện dự án**

1. Cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao kinh phí thực hiện dự án thông báo rộng rãi kế hoạch và việc lựa chọn đơn vị thực hiện dự án trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở chính của cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc Bộ gồm các thông tin chính như sau: thời gian thực hiện; nguồn kinh phí; thời hạn đăng ký; địa chỉ tiếp nhận đăng ký.

2. Đơn vị có nhu cầu, có đủ năng lực, kinh nghiệm đăng ký thực hiện dự án như sau:

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Văn bản văn bản đăng ký thực hiện dự án.

- Đề cương dự án gồm các thông tin về: căn cứ (pháp lý, thực tiễn) đề xuất dự án; lý do lựa chọn dự án; địa bàn thực hiện; đối tượng của dự án (số hộ theo phân loại; các đối tượng liên quan); tổng kinh phí (hỗ trợ từ ngân sách, đối ứng) và các nội dung khác liên quan.

- Hồ sơ năng lực của đơn vị.

**Chương III**

**HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC**

**Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

**Điều 7. Đối tượng hỗ trợ**

Thực hiện theo quy định tại điểm b mục 4 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg.

**Điều 8. Phương thức hỗ trợ**

1. Đối với hoạt động hỗ trợ người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài: Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp khi tuyển chọn lao động tại các các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội tại địa phương thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, ngoại ngữ, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trường hợp người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài thông qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ đã đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, cơ quan lao động - thương binh và xã hội thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người lao động. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có trách nhiệm hỗ trợ người lao động cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để nhận hỗ trợ.

2. Giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động và thân nhân người lao động, cơ quan lao động - thương binh và xã hội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

**Điều 9. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung quy định tại điểm b mục 4 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg, phù hợp với nhu cầu của người lao động.

2. Bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, dân chủ, bình đẳng giới.

**Điều 10. Nội dung hỗ trợ**

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ và hỗ trợ các chi phí khác theo khoản 1 Điều này.

3. Người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ.

4. Người lao động và thân nhân của người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo tổ chức thực hiện Thông tư như sau:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện;

c) Sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khai thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm kết quả thực hiện theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

2. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- VPCP: Vụ KGVX, Công báo; TGĐ Cổng TTĐT;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH;- Lưu: VT, VPQGGN (10 bản). | **BỘ TRƯỞNG****Đào Ngọc Dung** |